

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1000** /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **14** tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2315/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011- 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Cơ quan Thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Bắc Kạn),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 (Kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Quốc gia VSTBPN;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Ban VSTBPN tỉnh và Tổ giúp việc;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các PVP;
- Lưu: VT, Huệ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Triệu Đức Lân



KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới tỉnh Bắc Kạn,
giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng đến năm 2020**

(Kèm theo Quyết định số **1000** /QĐ-UBND ngày **14** tháng 6 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015 nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thu hẹp khoảng cách giới và nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực có sự bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng giới cao, tạo đà cho sự thực hiện thành công các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020, cơ bản bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của tỉnh nhà.

II. CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

- Chỉ tiêu 1: Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 – 2020 từ 20% trở lên (nhiệm kỳ 2011-2015 đạt 16%); tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2020 đạt từ 25% trở lên (nhiệm kỳ 2011 – 2016 đạt 22,33%).

- Chỉ tiêu 2: Phần đầu đến năm 2015, đạt 70% và đến năm 2020 đạt trên 90% Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.

- Chỉ tiêu 3: Phần đầu đến năm 2015, đạt 50% và đến năm 2020 đạt 90% các Sở, ban ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức đó có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động

- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất đạt 40% cho mỗi giới.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 10% vào năm 2015 và từ 30% trở lên vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo; vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, vùng khó khăn đạt 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 10% vào năm 2015 và 20% vào năm 2020.

4. Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015 và 115/100 vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 52/100.000 vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015 và lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010.

- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 25/100 vào năm 2020.

5. Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin

- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015, giảm 60% và đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015, có 90% và đến năm 2020 có 100% Đài Phát thanh - Truyền hình địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

6. Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới

- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 2 lần vào năm 2015 và xuống 1,5 lần vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015, đạt 40% và đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện, được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

7. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015, có 80% và đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 tinh bổ trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

- Chỉ tiêu 4: Đến vào năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một năm một lần.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đối với công tác bình đẳng giới. Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới. Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hoạt động của các ban, ngành trong xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả công tác bình đẳng giới.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 nhằm hỗ trợ các ban, ngành, địa phương giải quyết những vấn đề trọng tâm của công tác bình đẳng giới.

- Phát triển các hệ thống dịch vụ có chất lượng nhằm hỗ trợ nữ và nam bình đẳng về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tăng cường xã hội hóa và phối hợp liên ngành trong việc tổ chức các hoạt động về bình đẳng giới.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho công tác bình đẳng giới; chi ngân sách nhà nước cho công tác bình đẳng giới theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành; ưu tiên nguồn lực cho những ngành, vùng, có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao về bất bình đẳng giới, vùng nông thôn, vùng nghèo, vùng còn nhiều tập tục lạc hậu, vùng đồng bào dân tộc.

2. Các giải pháp cụ thể

2.1. Giải pháp thực hiện mục tiêu 1

- Rà soát các quy định của Đảng và Nhà nước về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, nghỉ hưu. Xác định những bất hợp lý và bất lợi đối với phụ nữ khi thực hiện những quy định này để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Luật Bình đẳng giới.

- Thực hiện công tác quy hoạch dài hạn cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ với các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Đa dạng hóa các hình ảnh của nữ giới với các vai trò và nghề nghiệp khác nhau.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới, trước hết là quy định về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm.

- Tổ chức thí điểm việc thi tuyển các chức danh lãnh đạo; từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm, sáng kiến liên quan đến việc tăng tỷ lệ nữ lãnh đạo, quản lý.

- Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo trẻ thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án nâng cao năng lực.

2.2. Giải pháp thực hiện mục tiêu 2

- Giảm chi phí tiếp cận việc làm và thời gian tìm việc của người lao động thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin về thị trường lao động, tư vấn về việc làm và về cơ hội đầu tư. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thị trường lao động và đào tạo nghề có tách biệt theo giới tính. Có các biện pháp cụ thể để khuyến khích đầu tư vào việc cung cấp thông tin về thị trường lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách và mở rộng đối tượng tham gia các loại hình bảo hiểm xã hội, nhất là đối với nhóm lao động mới; thực hiện các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu của nữ giới và nam giới tham gia bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp, chú ý nhóm dễ bị tổn thương (như lao động di cư, lao động nghèo ở vùng nông thôn, vùng dân tộc).

- Bảo đảm các điều kiện để phụ nữ được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng giới các nguồn lực kinh tế (như đất canh tác, các nguồn vốn tín dụng, thông tin thị trường, thông tin về luật pháp, chính sách), bình đẳng về cơ hội tham gia sản xuất kinh doanh.

- Các chính sách, chương trình đào tạo nghề cần tập trung vào khu vực nông thôn, vùng dân tộc; thu hút nhiều lao động nữ; nâng cao tay nghề, kỹ năng, cách quản lý, kinh doanh phát triển tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông sản, sản xuất hàng tiêu dùng cũng như phát triển các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư ở nông thôn. Có chính sách hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là cơ sở thu hút nhiều lao động nữ.

- Bảo đảm các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm sử dụng ngân sách nhà nước thu hút nhiều học viên nữ. Xác định và bảo đảm thực hiện các chỉ tiêu về nữ trong việc bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho người dân ở khu vực nông thôn và ven đô thị, vùng dân tộc, hỗ trợ họ áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và chế biến.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với lao động nữ nhằm bảo đảm tính hiệu quả, công bằng trong chính sách đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và chế độ nghỉ hưu.

2.3. Giải pháp thực hiện mục tiêu 3

- Đưa nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục, đặc biệt ở các cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học. Đưa nội dung về giới vào các chương trình bồi dưỡng về quản lý nhà nước, đào tạo trung cấp, cao cấp lý luận chính trị nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ lãnh đạo chủ chốt.

- Có những chính sách đặc thù cho một số nhóm đối tượng: Chính sách, chương trình học bổng hỗ trợ trẻ em gái và phụ nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt có chính sách khuyến khích đối với trẻ em gái, phụ nữ nông thôn và vùng dân tộc thiểu số; chính sách đặc thù cho giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện khó khăn; chính sách thu hút giáo viên tiểu học và mầm non là nam giới.

- Rà soát để xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong hệ thống sách giáo khoa hiện nay.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành giáo dục; xây dựng cơ sở dữ liệu có tách biệt theo giới tính, dân tộc ở các cấp học, bậc học.

2.4. Giải pháp thực hiện mục tiêu 4

- Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Đặc biệt, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản linh hoạt, dễ tiếp cận và miễn phí đối với phụ nữ và nam giới vùng dân tộc.

- Mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới. Tăng cường đào tạo bác sỹ chuyên khoa nam học tại các bệnh viện đa khoa cấp tỉnh và cấp huyện .

- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Tăng cường sự tham gia của nam giới vào việc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng các hoạt động truyền thông đối với người chưa thành niên về sức khỏe tình dục, tránh thai an toàn.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành y tế.

2.5. Giải pháp thực hiện mục tiêu 5

- Nâng cao nhận thức về giới cho người sản xuất các sản phẩm văn hóa, thông tin. Xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong các sản phẩm văn hóa, thông tin.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hóa, thông tin từ góc độ giới.

2.6. Giải pháp thực hiện mục tiêu 6

- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó chú trọng tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình.

- Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào các hoạt động này.

- Xây dựng và thực hiện thí điểm mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và buôn bán người; nhân rộng các mô hình thành công.

2.7. Giải pháp thực hiện mục tiêu 7

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt ở ấp, khóm, cụm dân cư. Xây dựng mạng lưới chuyên gia về giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức các đợt tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp phụ nữ, các tổ chức chính trị - xã hội và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức triển khai Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch liên quan do các Sở, ngành khác chủ trì thực hiện; xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hàng năm về bình đẳng giới phù hợp với Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020; rà soát để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật, chính sách cho phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới; hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết vào cuối năm 2015 và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào cuối năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về bình đẳng giới; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm ở cấp tỉnh; hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hàng năm, bố trí ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới sau khi được phê duyệt; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện các chương trình, dự án về bình đẳng giới đã được phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

4. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan thực hiện đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản.

5. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ và các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ, tỷ lệ nữ để bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước; rà soát, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng nữ cán bộ, công chức, viên chức; hướng dẫn các Sở, ngành, UBND huyện lập kế hoạch hàng năm về biên chế công chức làm công tác bình đẳng giới; giao biên chế công chức làm công tác bình đẳng giới sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

phê duyệt; thực hiện việc lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

6. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp phụ nữ và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã tổ chức triển khai Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2011 – 2020 sau khi được phê duyệt; đẩy mạnh công tác tuyên truyền cảnh báo và chủ động kiểm soát, giải quyết các nguyên nhân sâu xa làm mất cân bằng giới tính ở trẻ sơ sinh.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức triển khai Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 – 2020 sau khi được phê duyệt; thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên; bồi dưỡng cho giáo viên, giảng viên về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới; lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành.

8. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động về thông tin, báo chí, xuất bản (bao gồm xuất bản, in, phát hành ấn phẩm), thông tin trên Internet về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới; xử lý nghiêm những hành vi xuất bản các ấn phẩm, sản phẩm thông tin có định kiến giới.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban nhân dân các huyện, tổ chức triển khai Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 sau khi được phê duyệt; xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới vào các thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

10. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em.

11. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, chỉ đạo thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học về bình đẳng giới.

12. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc; xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

vận động đồng bào dân tộc phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

13. Đài phát thanh và Truyền hình, Báo Bắc Kạn tăng cường thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên đề, chuyên mục.

14. Các Sở, ban, ngành, các cơ quan đoàn thể tham gia thực hiện Chiến lược trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ đã được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch hành động hằng năm và định kỳ 5 năm để triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề bình đẳng giới trong công tác kế hoạch hóa và hoạch định chính sách; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại cơ quan mình.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện tại địa phương theo Kế hoạch của tỉnh và các Sở, ngành chức năng; lồng ghép thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các kế hoạch khác có liên quan ở địa phương; bố trí đủ cán bộ, công chức làm công tác bình đẳng giới ở địa phương; đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đặc biệt trong việc lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới trong công tác hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo quy định hiện hành.

16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Kạn, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các tổ chức thành viên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, tham gia quản lý nhà nước về bình đẳng giới; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; nghiên cứu, bố trí hội viên Hội Phụ nữ làm cộng tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới ở cơ sở.

17. Đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì các hoạt động có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung công việc, có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện hàng năm (trước ngày 10 tháng 11) và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội)/.

PHỤ LỤC

Các chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 cần được lồng ghép vào chương trình công tác của ngành, đơn vị

Nội dung <i>(Theo QĐ 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020)</i>	Chỉ tiêu <i>(Giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Bắc Kạn)</i>	Đơn vị chủ trì	Các đơn vị phối hợp
Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị			
- Chỉ tiêu 1: + Phần đầu đạt tỷ lệ nữ tham gia cấp uỷ Đảng nhiệm kỳ 2016-2020 từ 25% trở lên. + Phần đầu tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016-2020 trên 35%	20% 22%	Ban Tổ chức tỉnh uỷ Sở Nội vụ	Sở Tư pháp; Hội Liên hiệp phụ nữ; Liên đoàn lao động và các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể
- Chỉ tiêu 2: Phần đầu đến năm 2015 đạt 80% và đến năm 2020 đạt trên 95% Uỷ ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ	70%	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	
- Chỉ tiêu 3: Phần đầu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt trên 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	50%	Ban Tổ chức Tỉnh uỷ	
Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động			
- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới	40%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nông nghiệp; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách; Ban Dân tộc; Liên đoàn lao động; Hội Liên hiệp phụ nữ
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và 35% trở lên vào năm 2020	10%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	

- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 25% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020	25%	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 80% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020	80%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	
Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.			
- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 90% vào năm 2015 và 95% vào năm 2020	90%	Sở Giáo dục – Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Tỉnh đoàn; Hội Liên hiệp phụ nữ và các ngành liên quan
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sĩ đạt 40% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sĩ đạt 20% vào năm 2015 và 50% vào năm 2020	- Thạc sĩ:40% - Tiến sĩ:10%	Sở Nội vụ	
Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe			
- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái vào năm 2015 và 115/100 vào năm 2020	113/100	Sở Y tế	
- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 58,3/100.000 trẻ em đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 52/100.000 vào năm 2020	60/100.000	Sở Y tế	
- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con lên 40% vào năm 2015 và lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010	40%	Sở Y tế	Hội Liên hiệp phụ nữ; Liên đoàn lao động tỉnh; Cục Thống kê và các ngành liên quan
- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống 27/100 trẻ đẻ sống vào năm 2015 và xuống dưới 25/100 vào năm 2020	27/100	Sở Y tế	

Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hoá và thông tin			
- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015 giảm 60% và đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới	60%	Sở Thông tin và Truyền thông	Báo Bắc Kạn, Cục Thống kê và các ngành liên quan
- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% Đài Phát thanh - Truyền hình ở địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức bình đẳng giới	80%	Đài Phát thanh - Truyền hình	
Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xoá bỏ bạo lực trên cơ sở giới			
- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ giới so với nam giới xuống 2 lần vào năm 2015 và 1,5 lần năm 2020	02 lần	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	Công an và các ngành liên quan
-Chỉ tiêu 2: + Đến năm 2015 đạt 40% và đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. + Đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 80% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình	40%	Sở Tư pháp	
- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hoà nhập cộng đồng	100%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới			
- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2015 có 80% và đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan tới	80%	Sở Tư pháp	

<p>bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được phép lồng ghép vấn đề bình đẳng giới</p>			
<p>- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới</p>	100%	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp, Sở Nội vụ và các ngành liên quan
<p>- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 tinh bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ</p>		Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	
<p>- Chỉ tiêu 4: Đến năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.</p>	100%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	